

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Số 33 - Ngõ 24 - Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35378938 / 68 \* Fax: (84-4) 35378988

Website: <http://www.kiemtoanasc.com.vn> / [kiemtoanasc.vn](http://kiemtoanasc.vn)

Email: [kiemtoanasc.info@gmail.com](mailto:kiemtoanasc.info@gmail.com)

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 8
Báo cáo Kiểm toán	9 – 10
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	11 – 14
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	15
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính.	17 – 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

**Trụ sở chính của Công ty:** Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Vốn điều lệ của Công ty: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).**

Với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

**Vốn pháp định của Công ty: 6.000.000.000 (Sáu tỷ đồng).**

**Ngành nghề kinh doanh:** Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
*Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;*
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
*Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;*
- Đại lý, môi giới, đấu giá;  
*Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
*Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;*
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu;  
*Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;*
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Chi tiết:*
  - *Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;*
  - *Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
  - Giáo dục nghề nghiệp;
  - Chi tiết: Dạy nghề;*
  - Giáo dục mầm non;
  - Giáo dục tiểu học;
  - Đào tạo cao đẳng;
  - Giáo dục thể thao và giải trí;
  - Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
  - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
  - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
  - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông ;
  - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Đại lý du lịch;
  - Điều hành tua du lịch;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
  - Sửa chữa thiết bị liên lạc;
  - Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
  - Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
  - Sản xuất linh kiện điện tử;
  - Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
  - Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
  - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
  - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
  - Sản xuất đồ điện dân dụng;
  - Sản xuất thiết bị điện khác;
  - Sửa chữa máy móc thiết bị
  - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
  - Sửa chữa thiết bị điện;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
  - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
  - Chi tiết:*
    - *Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);*
    - *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);*
  - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
  - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
  - Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;*
  - Đào tạo đại học và sau đại học;
  - Sản xuất máy thông dụng khác;
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
  - Chi tiết:*
    - *Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;*



*Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;*

*Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;*

*Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;*

*Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm;*

*Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;*

*Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao;*

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

*Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;*

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

*Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;*

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- Khai thác quặng sắt;

- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

*Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)*

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;

*Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;*

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

*Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*

- Bán buôn đồ uống;

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo

*Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;*

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa

- Vận tải hàng hóa đường sắt

- Vận tải hành khách đường sắt

*Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;*

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);

*Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chày máu khác);*

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

*Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;*

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;*

- Khai thác và thu gom than cứng;

- Khai thác và thu gom than non;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;

- Sản xuất bao bì bằng gỗ;

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
  - Sản xuất giấy nhân, bia nhân, bao bì từ giấy và bìa;
  - Sản xuất than cốc;
  - Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
  - Sản xuất sản phẩm từ plastic;
  - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
  - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
  - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
- Chi tiết:*  
*Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;*  
*Sản xuất dây cáp kim loại, dãi xếp nếp và các chi tiết tương tự;*  
*Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện*
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
  - Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
  - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
  - Sửa chữa thiết bị khác
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
  - Bán buôn gạo;
  - Bán buôn thực phẩm;
  - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
  - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
  - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Lắp trình máy vi tính;
  - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
  - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
  - Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
  - Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
  - Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
  - Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
  - Vệ sinh chung nhà cửa;
- Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;*
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
  - Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
  - Sản xuất xe có động cơ;
  - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
  - Chế biến và bảo quản rau quả;
  - Sản xuất các loại bánh từ bột;
  - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
  - Bán buôn tổng hợp;
  - Bán lẻ vải, len, sợi, chi khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;  
*Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Bán lẻ hàng hóa khác mỗi trong các cửa hàng chuyên doanh

*Chi tiết:*

*Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc);*

*Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh.*

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

*Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);*

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

*Chi tiết:*

*Bán lẻ đồ uống có cồn;*

*Bán lẻ đồ uống không có cồn.*

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giày dép;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;  
*Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;*
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);



- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

*Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;*

## **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2013 là: 3.037.830.205 VND

(Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là: 52.671.663 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2013 là: 3.245.061.039 VND

(Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2012 là: 207.614.754 VND).

## **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2013/ĐHĐCĐ –NQ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Công ty CP Fikor Việt Nam và Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 02 tháng 01 năm 2014 phê duyệt ông Nguyễn Tiến Đức thay ông Nguyễn Văn Tân là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính năm 2013 sẽ do ông Nguyễn Tiến Đức ký và chịu trách nhiệm chính.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102370070 ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 04 năm 2014 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội: Công ty được đổi tên từ Công ty cổ phần Fikor Việt Nam thành Công ty cổ phần đầu tư AMD Group.
- Theo Quyết định của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group số 10/2014/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2014 bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Chi giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2014.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đức Giang	Chủ tịch HĐQT	28/10/2010	08/01/2014
Ông Nguyễn Văn Tân	Ủy viên HĐQT	28/10/2010	08/01/2014
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	08/01/2014	

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tân	Tổng Giám đốc	12/09/2012	02/01/2014
Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	02/01/2014	

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 kết thúc ngày 31/12/2013, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2014

**Ban Giám Đốc**  
**Tổng Giám Đốc**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ**  
**AMD GROUP**



**Nguyễn Tiến Đức**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group*

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
và các Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group lập ngày 10/05/2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày từ trang 11 đến trang 43 kèm theo Báo cáo kiểm toán này.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến KTV của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến kiểm toán của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán đã phát hành số 82/BCKT/TC ngày 12/04/2014.*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Chí Thành**  
*Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 0647-2013-133-1*

*Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014*

**Kiểm toán viên**

**Lê Phương Anh**  
*Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 0739-2013-133-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>90,694,170,009</b>	<b>10,609,388,335</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>85,116,376</b>	<b>608,194,098</b>
1. Tiền	111		85,116,376	608,194,098
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>87,689,053,738</b>	<b>5,868,240,797</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		59,921,321,303	319,383,360
2. Trả trước cho người bán	132		48,857,437	48,857,437
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.03</b>	27,718,874,998	5,500,000,000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19,999,895</b>	<b>1,229,010,895</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.04</b>	19,999,895	1,229,010,895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,900,000,000</b>	<b>2,903,942,545</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3,942,545
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.05</b>	2,900,000,000	2,900,000,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>812,531,854</b>	<b>848,331,949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	<b>V.06</b>		
4. Phải thu dài hạn khác	218	<b>V.07</b>		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>607,897,623</b>	<b>839,296,287</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	607,897,623	839,296,287
- Nguyên giá	222		1,542,738,636	1,626,094,089
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(934,841,013)	(786,797,802)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>		
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác (*)	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (**)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>204,634,231</b>	<b>9,035,662</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	204,634,231	9,035,662
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>91,506,701,863</b>	<b>11,457,720,284</b>

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
( Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58,261,640,824</b>	<b>1,350,105,530</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58,261,640,824</b>	<b>1,234,045,530</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	174,132,000
2. Phải trả người bán	312		57,073,963,280	148,704,618
3. Người mua trả tiền trước	313		-	893,990,400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,187,614,927	17,218,512
5. Phải trả công nhân viên	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	62,617	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>116,060,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		116,060,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33,245,061,039</b>	<b>10,107,614,754</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>33,245,061,039</b>	<b>10,107,614,754</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	9,900,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,245,061,039	207,614,754
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>91,506,701,863</b>	<b>11,457,720,284</b>

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuế ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
USD				
EUR				
6. Dự toán chi hoạt động				

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )


Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chi

Nguyễn Thị Chi

Nguyễn Tiến Đức

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	55.541.213.148	-
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26		-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	55.541.213.148	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	53.341.268.961	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.199.944.187	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.119.097.654	210.284.503
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	28.272.302	84.700.127
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.272.302	84.700.127
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		370.988.629	61.739.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.919.780.910	63.844.440
11. Thu nhập khác	31			-
12. Chi phí khác	32			-
13. Lợi nhuận khác	40			-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.919.780.910	63.844.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	881.950.705	11.172.777
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.037.830.205	52.671.663

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Chi

Nguyễn Thị Chi



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
AMD GROUP

Nguyễn Tiến Đức

Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	599.406.120	30.000.000
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(707.022.093)	(30.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.500.000)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(28.209.685)	(84.700.127)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(895.960)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(76.960.905)	(2.942.441.992)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(232.286.563)</i>	<i>(3.028.038.079)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.100.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	222.656	210.284.503
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(20.099.777.344)</i>	<i>210.284.503</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.100.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(291.013.815)	(174.132.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>19.808.986.185</i>	<i>(174.132.000)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(523.077.722)</b>	<b>(2.991.885.576)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>608.194.098</b>	<b>3.600.079.674</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>85.116.376</b>	<b>608.194.098</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chi



Nguyễn Thị Chi



Nguyễn Tiến Đức



**THUYẾT MINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*( Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

**Trụ sở chính của Công ty:** Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Vốn điều lệ của Công ty:** 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

**Vốn pháp định của Công ty:** 6.000.000.000 (Sáu tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phà đờ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
*Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;*
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
*Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;*
- Đại lý, môi giới, đấu giá;  
*Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
*Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;*
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu;  
*Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;*
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
*Chi tiết:*  
*Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;*  
*Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Giáo dục nghề nghiệp;  
*Chi tiết: Dạy nghề;*
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông ;
- Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Đại lý du lịch;
  - Điều hành tua du lịch;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
  - Sửa chữa thiết bị liên lạc;
  - Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
  - Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
  - Sản xuất linh kiện điện tử;
  - Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
  - Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
  - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
  - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
  - Sản xuất đồ điện dân dụng;
  - Sản xuất thiết bị điện khác;
  - Sửa chữa máy móc thiết bị
  - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
  - Sửa chữa thiết bị điện;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
  - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Chi tiết:*  
*Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);*
- *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy vận phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);*
  - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
  - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;*
- Đào tạo đại học và sau đại học;
  - Sản xuất máy thông dụng khác;
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Chi tiết:*  
*Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;*  
*Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;*  
*Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;*  
*Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;*  
*Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm;*  
*Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;*
- *Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;*
  - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
  - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
  - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;*
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

- Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;*
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Khai thác quặng sắt;
  - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm  
*Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)*
  - Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
  - Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;  
*Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;*
  - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Hoạt động thiết kế chuyên dụng  
*Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
  - Bán buôn đồ uống;
  - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
  - *Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;*
  - Vận tải hành khách đường thủy nội địa
  - Vận tải hàng hóa đường sắt
  - Vận tải hành khách đường sắt  
*Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;*
  - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);  
*Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);*
  - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;  
*Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;*
  - Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu  
*Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;*
  - Khai thác và thu gom than cứng;
  - Khai thác và thu gom than non;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
  - Sản xuất bao bì bằng gỗ;
  - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện;
  - Sản xuất giấy nhân, bìa nhân, bao bì từ giấy và bìa;
  - Sản xuất than cốc;
  - Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế;
  - Sản xuất sản phẩm từ plastic;
  - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
  - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
  - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu  
*Chi tiết:*  
*Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;*  
*Sản xuất dây cáp kim loại, đai xếp nếp và các chi tiết tương tự;*



- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện*
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
  - Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
  - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
  - Sửa chữa thiết bị khác
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
  - Bán buôn gạo;
  - Bán buôn thực phẩm;
  - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
  - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
  - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Lắp trình máy vi tính;
  - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
  - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
  - Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
  - Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
  - Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
  - Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
  - Vệ sinh chung nhà cửa;
- Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;*
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
  - Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
  - Sản xuất xe có động cơ;
  - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
  - Chế biến và bảo quản rau quả;
  - Sản xuất các loại bánh từ bột;
  - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
  - Bán buôn tổng hợp;
  - Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
  - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Bán lẻ hàng hóa khác môi trong các cửa hàng chuyên doanh
- Chi tiết:*
- *Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
  - *Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;*
  - *Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;*



*Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc);*

*Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.*

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

*Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);*

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

*Chi tiết:*

*Bán lẻ đồ uống có cồn;*

*Bán lẻ đồ uống không có cồn.*

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
  - Chăn nuôi gia cầm;
  - Chăn nuôi khác;
  - Xây xát và sản xuất bột thô;
  - Dịch vụ ăn uống khác;
  - Hoạt động chiếu phim
  - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
  - Chăn nuôi trâu, bò;
  - Chăn nuôi lợn;
  - Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
  - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
  - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
  - Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
  - Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
  - Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
  - Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
  - Sản xuất giấy đẹp;
  - Khai thác gỗ;
  - Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
  - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;*
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ
  - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
  - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
  - Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
  - Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
  - Sản xuất rượu vang;
  - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
  - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
  - Hoạt động thể thao khác;
  - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
  - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

*Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;*

## **II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.

### **4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính tổng hợp của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng

nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm 31/12/2013 các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

## **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận công cụ tài chính :**

### **2.1. Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### **2.2. Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*



## **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### **5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	05-12 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	38 – 50 năm

## **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

### **6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

### - Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

### - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoản bị giảm giá tại} \\ \text{thời điểm lập Báo cáo} \\ \text{tài chính riêng} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

- + Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- + Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

- + Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- + Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối mỗi kỳ kế toán. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (hoặc được hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp) của kỳ kế toán đó. Riêng Đối với dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận và chi phí chung.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và số đã lập lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập được ghi nhận vào thu nhập khác (hoặc ghi nhận vào chi phí sản xuất chung).

## **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:** Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.



*Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:* Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### **13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **14.1. Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **14.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **14.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

##### ***Chi phí tài chính:***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

***Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:*** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:*** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

***Thuế thu nhập hoãn lại:*** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập

hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Cơ sở lập Báo cáo tài chính:* Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1 . TIỀN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	73.831.869	597.018.740
Tiền gửi ngân hàng	11.284.507	11.175.358
+ Ngân hàng TMCP kỹ thương - CN Cửa Nam	-	4.169
+ Ngân hàng NN và PTNT - CN Tây Đô	8.403.037	8.311.621
+ Ngân hàng TMCP quân đội - CN Điện Biên Phủ	2.881.450	2.859.568
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.116.376</b>	<b>608.194.098</b>
<b>3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Phải thu người lao động		
Phải thu khác	27.718.874.998	5.500.000.000
- Dư nợ phải trả khác		
- Phải thu khác	27.718.874.998	5.500.000.000
+ Bà Dương Thị Bích Hạnh	3.316.250.000	-
+ Ông Nguyễn Quốc Trường	2.763.541.666	-
+ Bà Nguyễn Thị Hòa	663.250.000	-
- Bà Nguyễn Thị Mai	2.210.833.333	-
- Ông Nguyễn Văn Hương	552.708.333	-
+ Ông Phạm Đức Giang	18.212.291.666	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.718.874.998</b>	<b>5.500.000.000</b>
<b>4 . HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.209.010.895
Công trình Xây Phương	-	1.209.010.895
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	19.999.895	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.999.895</b>	<b>1.229.010.895</b>
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK trong năm		
* Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	19.999.895	1.229.010.895
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		



5 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
- Tạm ứng	2.900.000.000		2.900.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.900.000.000</b>		<b>2.900.000.000</b>	

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQ1.	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	-	-	1.365.661.819	260.432.270	1.626.094.089
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	83.355.453	83.355.453
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm theo TT 45/2013				83.355.453	83.355.453
Số dư cuối kỳ	-	-	1.365.661.819	177.076.817	1.542.738.636
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	-	-	572.626.360	214.171.442	786.797.802
Số tăng trong kỳ	-	-	185.137.836	40.135.176	225.273.012
- Khấu hao trong kỳ			185.137.836	40.135.176	225.273.012
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	77.229.801	77.229.801
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm theo TT 45/2013				77.229.801	77.229.801
Số dư cuối kỳ	-	-	757.764.196	177.076.817	934.841.013
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	793.035.459	46.260.828	839.296.287
Tại ngày cuối kỳ	-	-	607.897.623	-	607.897.623

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển

**Cộng**

Số cuối năm		Số đầu năm	
VND		VND	
204.634.231		9.035.662	
<b>204.634.231</b>		<b>9.035.662</b>	

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn

Nợ dài hạn đến hạn trả

**Cộng**

Số cuối năm		Số đầu năm	
VND		VND	
-		-	
-		174.132.000	
-		<b>174.132.000</b>	

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	266.662.561	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	920.952.366	17.218.512
Thuế TNCN	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.187.614.927</b>	<b>17.218.512</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.617	-
<i>Phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	62.617	-
<b>Cộng</b>	<b>62.617</b>	<b>-</b>

20 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn	-	116.060.000
Vay ngân hàng	-	116.060.000
Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
Thuế tài chính	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>116.060.000</b>

**Công ty CP Đầu tư AMD Group**

**Báo cáo tài chính**

Tầng 1 tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**22 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	9.900.000.000	-	-	-	154.943.091	-
Tăng vốn năm trước						
Lãi năm trước					52.671.663	
Phân phối lợi nhuận						
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác						
Số dư cuối năm trước	9.900.000.000	-	-	-	207.614.754	-
Tăng vốn trong năm	20.100.000.000	-	-	-	3.037.830.205	-
Lãi trong năm					3.037.830.205	
Tăng khác						
Phân phối lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm					383.920	
Lỗ trong năm						
Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm	30.000.000.000	-	-	-	3.245.061.039	-

(\*) Giảm do điều chỉnh lợi nhuận sau thuế của năm 2011 và năm 2012

**22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác	30.000.000.000	9.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>9.900.000.000</b>
Toàn bộ số vốn tại Công ty là vốn cổ phần thường		

**22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>và phân phối cổ tức, lợi nhuận.</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	9.900.000.000	9.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ (*)	20.100.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	9.900.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(\*)- Các cổ đông góp vốn bằng hình thức nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản của Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG KẾT QUẢ KINH DOANH**

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	55.541.213.148	-
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	54.025.756.785	-
- Doanh thu xây dựng công trình	1.515.456.363	-
<b>Cộng</b>	<b>55.541.213.148</b>	<b>-</b>

**27 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	54.025.756.785	-
Doanh thu xây dựng công trình	1.515.456.363	-
<b>Cộng</b>	<b>55.541.213.148</b>	<b>-</b>

**28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	51.687.921.266	-
Giá vốn của công trình xây dựng	1.653.347.695	-
<b>Cộng</b>	<b>53.341.268.961</b>	<b>-</b>



29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.119.097.654	210.284.503
<b>Cộng</b>	<b>2.119.097.654</b>	<b>210.284.503</b>
30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	28.272.302	84.700.127
<b>Cộng</b>	<b>28.272.302</b>	<b>84.700.127</b>
31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	881.950.705	11.172.777
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>881.950.705</b>	<b>11.172.777</b>
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.352.654	
- Chi phí nhân công	19.500.000	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	225.273.010	312.318.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền	360.199.765	39.518.892
<b>Cộng</b>	<b>815.325.429</b>	<b>351.837.710</b>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Thi công các công trình xây dựng.

Kinh doanh hàng hóa

Dịch vụ khác

	<i>Hàng hóa</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	54.025.756.785	1.515.456.363		55.541.213.148
Doanh thu thuần giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>54.025.756.785</b>	<b>1.515.456.363</b>	-	<b>55.541.213.148</b>
Chi phí bộ phận	51.687.921.266	1.653.347.695		53.341.268.961
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				370.988.629
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.828.955.558
Doanh thu hoạt động tài chính				2.119.097.654
Chi phí tài chính				28.272.302
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				-
Thuế TNDN hiện hành				881.950.705
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>3.037.830.205</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				213.863.636
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí tra trước dài hạn				265.802.780

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>12/31/2013</u>	<u>1/1/2013</u>	<u>12/31/2013</u>	<u>1/1/2013</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương tiền	85.116.376	608.194.098		
Phải thu khách hàng, phải thu khác	87.640.196.301	5.819.383.360		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<b>Cộng</b>	<b>87.725.312.677</b>	<b>6.427.577.458</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	-	290.192.000		
Chi phí phải trả				
Phải trả người bán, phải trả khác	57.074.025.897	148.704.618		
<b>Cộng</b>	<b>57.074.025.897</b>	<b>438.896.618</b>		

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư số 210/2009/TT - BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Thuyết minh Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế.

#### 4. Tài sản đảm bảo

#### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

##### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### 8. Các sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2013/ĐHĐCĐ –NQ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Công ty CP Fikor Việt Nam và Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 02 tháng 01 năm 2014 phê duyệt ông Nguyễn Tiến Đức thay ông Nguyễn Văn Tân là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính năm 2013 sẽ do ông Nguyễn Tiến Đức ký và chịu trách nhiệm chính.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102370070 ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 04 năm 2014 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội: Công ty được đổi tên từ Công ty cổ phần Fikor Việt Nam thành Công ty cổ phần đầu tư AMD Group.

Theo Quyết định của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group số 10/2014/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2014 bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Chi giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2014.

### 9. Thông tin về các bên liên quan

#### Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của công ty với các bên liên quan trong năm tài chính 2013 bao gồm:

#### Giao dịch cho vay

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Dương Thị Bích Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Vay vốn theo hợp đồng số 03/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	3.000.000.000
Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Vay vốn theo hợp đồng số 06/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	2.000.000.000
Nguyễn Thị Hoà	Mẹ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Vay vốn theo hợp đồng số 05/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	600.000.000
Nguyễn Quốc Trọng	Uy viên HĐQT	Vay vốn theo hợp đồng số 04/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	2.500.000.000
Phạm Đức Giang	Uy viên HĐQT	Vay vốn theo hợp đồng số 01/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	11.500.000.000



**Các khoản phải thu**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 (VND)
Dương Thị Bích Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HDQT	Vay vốn theo hợp đồng số 03/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	3.316.250.000
Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HDQT	Vay vốn theo hợp đồng số 06/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	2.210.833.333
Nguyễn Thị Hoà	Mẹ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HDQT	Vay vốn theo hợp đồng số 05/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	663.250.000
Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HDQT	Vay vốn theo hợp đồng số 04/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	2.763.541.666
Phạm Đức Giang	Ủy viên HDQT	Vay vốn theo hợp đồng số 01/2013/H ĐVM ngày 12/01/2013	18.212.291.666

\* Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1. Bộ tri cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
1.1 Bộ tri cơ cấu tài sản	%	0,89	7,40
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	99,11	92,60
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản			
1.1 Bộ tri cơ cấu vốn	%	63,67	11,78
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,33	88,22
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	Lần	1,57	8,49
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	1,56	8,60
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn			
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,0	0,49
2.4 Giá trị thuần của TSCĐ mua sắm bằng vay dài hạn hoặc nợ dài hạn/Tổng nợ dài hạn	Lần		
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	6,80	30,36
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	5,27	25,05
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,28	0,56
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,32	0,46
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	9,14	0,52

\* **Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán ASC. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Chi

Ông Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức